TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST
Ngày: 17.7.2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán điện".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Đạt
2. Ông Phan Thanh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Đặng Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trường Viên– Kiểm sát viên.

Ngày 17.7.2023, tại trụ sở TAND huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST-KDTM ngày 12.5.2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán điện";* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-KDTM, ngày 15.6.2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng công ty Điện lực M
Địa chỉ: số 78A D, phường H, quận H, Tp. Đ.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Tấn C, Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần An K, Chức vụ: Giám đốc điện lực P, theo văn bản ủy quyền lại số 2023/GUQ-BĐPC ngày 20/4/2023 của ông Thái Minh C – Giám đốc điện lực B.
Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn P, xã C, huyện P, B

- Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H
Địa chỉ: Lô D1 cụm công nghiệp G, thị trấn N, huyện P, tỉnh B
Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị Kim H, chức vụ: Giám đốc công ty.

(Ông K có mặt, bà H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Tổng công ty Điện lực M có ông Trần An K trình bày:*

Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bột nhang có mua điện của Tổng công ty Điện lực M, cụ thể như sau:

Hợp đồng mua bán điện số 20/634346 ký ngày 19/10/2020, số tiền điện Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H còn nợ là 69.092.871 đồng (trong đó, kỳ tháng 10/2022 là 58.121.194 đồng, kỳ tháng 11/2022 là 10.971.677 đồng).

Hợp đồng mua bán điện số 20/601286 ký ngày 09/9/2020, số tiền điện Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H còn nợ là 14.980.032 đồng, nợ kỳ tháng 11/2022.

Hợp đồng mua bán điện số 20/621762 ký ngày 29/8/2020, số tiền điện Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H còn nợ là 134.555.256 đồng (trong đó, kỳ tháng 10/2022 là 113.200.848 đồng, kỳ tháng 11/2022 là 21.354.408 đồng).

Phía điện lực đã gửi thông báo yêu cầu Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H thanh toán tiền điện còn nợ nhưng Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H không thanh toán.

Ông đại diện cho nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H phải trả cho Tổng công ty Điện lực M số tiền điện còn nợ là 218.628.159 đồng *(Hai trăm mười tám triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, một trăm năm mươi chín đồng).*

- Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H – do bà Lương Thị Kim H đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, phía bị đơn chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H có nghĩa vụ trả cho Tổng công ty Điện lực M tiền điện còn nợ là 218.628.159 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bị đơn Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H có trụ sở hoạt động tại Lô D1 cụm công nghiệp G, thị trấn N, huyện P, tỉnh B. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H là bà Lương Thị Kim H đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng bà H đều vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn Tổng công ty Điện lực M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H phải trả cho Tổng công ty Điện lực M số tiền điện còn nợ là 218.628.159 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bột nhang có mua điện của Tổng công ty Điện lực M, cụ thể mua bán điện như sau:

Hợp đồng mua bán điện số 20/634346 ký ngày 19/10/2020, số tiền điện Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H còn nợ là 69.092.871 đồng (trong đó kỳ tháng 10/2022 là 58.121.194 đồng, kỳ tháng 11/2022 là 10.971.677 đồng).

Hợp đồng mua bán điện số 20/601286 ký ngày 09/9/2020, số tiền điện Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H còn nợ là 14.980.032 đồng, nợ kỳ tháng 11/2022.

Hợp đồng mua bán điện số 20/621762 ký ngày 29/8/2020, số tiền điện Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H còn nợ là 134.555.256 đồng (trong đó kỳ tháng 10/2022 là 113.200.848 đồng, kỳ tháng 11/2022 là 21.354.408 đồng).

Phía nguyên đơn đã gửi thông báo yêu cầu Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H thanh toán tiền điện còn nợ với số tiền nêu trên nhưng Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H không thanh toán.

Xét các hợp đồng mua bán điện giữa Tổng công ty Điện lực M với Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H nêu trên được ký kết hợp pháp. Sau khi mua điện, Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ người đại diện theo pháp luật của phía bị đơn nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên xét chứng cứ phía nguyên đơn xuất trình là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H phải có nghĩa vụ trả cho Tổng công ty Điện lực M tiền điện còn nợ là 218.628.159 đồng *(Hai trăm mười tám triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, một trăm năm mươi chín đồng).*

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H phải chịu 10.931.407 đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả lại cho Tổng công ty Điện lực M số tiền tạm ứng án phí là 5.465.700 đồng *(Năm triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00…. ngày …….

[4]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24 và khoản 1, 2 Điều 50 Luật Thương mại năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2019; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Điện lực M về yêu cầu Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H trả nợ tiền điện.

- Buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H có nghĩa vụ trả cho Tổng công ty Điện lực M số tiền điện còn nợ là **218.628.159 đồng** *(Hai trăm mười tám triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, một trăm năm mươi chín đồng).*

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH sản xuất và thương mại tổng hợp H phải chịu số tiền 10.931.407 đồng *(Mười triệu, chín trăm ba mươi mốt nghìn, bốn trăm lẻ bảy đồng).*

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả lại cho Tổng công ty Điện lực M số tiền tạm ứng án phí là 5.465.700 đồng *(Năm triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00….. ngày …..

3. Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND huyện P (02b);*
- *Chi cục THA DS huyện P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh